

Số: 32 /2022/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 02 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 653/TTr-STP ngày 29 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, cá nhân trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HL*

Nơi nhận: *HL*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL, Cục QLXLVPHC&TDTHPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh;
- Đoàn Luật sư tỉnh;
- Báo Hưng Yên;
- Đài PTTH Hưng Yên;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{Hào}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Văn

QUY CHẾ

Phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Kèm theo Quyết định số 32 /2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cơ quan quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

3. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

4. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Kịp thời, đảm bảo sự thống nhất, chặt chẽ trong phối hợp thực hiện công tác quản lý về xử lý vi phạm hành chính.

3. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4. Bảo đảm công tác quản lý và việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính.

4. Thực hiện tham gia giải quyết, xử lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc trường hợp giải trình, có nhiều tình tiết phức tạp, phạm vi rộng thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã.

5. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính.

6. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trong xử lý vi phạm hành chính.

8. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

9. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức tham gia họp liên ngành; hội nghị sơ kết, tổng kết công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Thành lập, tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Tham gia triển khai, thực hiện áp dụng các biện pháp cưỡng chế vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Các hình thức phối hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 6. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan Trung ương cấp tỉnh đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành tỉnh), cơ quan có liên quan đề xuất, xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, Ủy ban

nhân dân (UBND) tỉnh quy định chung về xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND và UBND tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh chủ trì xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực cơ quan mình được giao quản lý để trình HĐND và UBND tỉnh ban hành theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến và tham gia ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo.

Điều 7. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật chung về xử lý vi phạm hành chính.

b) Hàng năm tham mưu UBND tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đề xuất nội dung kiểm tra liên ngành; sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

c) Tổng hợp các phản ánh, kiến nghị về khó khăn, vướng mắc của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Tham mưu UBND tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực chuyên ngành, địa bàn quản lý theo quy định.

b) Theo dõi tình hình áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp các phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực chuyên ngành, địa bàn quản lý; chủ động rà soát, kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn, chồng chéo hoặc mâu thuẫn.

c) Hàng năm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực chuyên ngành, địa bàn quản lý.

3. UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi địa bàn quản lý theo quy định.

b) Theo dõi tình hình áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp các phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, địa bàn quản lý; chủ động rà soát, kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn, chồng chéo hoặc mâu thuẫn.

c) Hàng năm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

Điều 8. Phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

a) Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp huyện xây dựng kế hoạch chỉ đạo các cơ quan thành viên cùng cấp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đảm bảo phù hợp và hiệu quả.

b) Sở Tư pháp là đầu mối chủ trì phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật quy định chung về xử lý vi phạm hành chính và công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

c) Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện chủ trì xây dựng kế hoạch, nghiên cứu, biên soạn tài liệu, phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực chuyên ngành, địa bàn quản lý với nội dung và hình thức phù hợp.

d) Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên, Báo Hưng Yên, Cổng Thông tin điện tử tỉnh có trách nhiệm cập nhật, đưa thông tin tuyên truyền về tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh. Thông tin kịp thời ý kiến phản ánh của cá nhân, tổ chức về tình hình thi hành pháp luật về xử

lý vi phạm hành chính đến cơ quan, người có thẩm quyền bằng hình thức phù hợp.

đ) UBND cấp xã chủ trì tổ chức phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tới các thôn, làng, tổ dân phố và người dân trên địa bàn quản lý với nội dung và hình thức phù hợp.

2. Công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ:

a) Sở Tư pháp là đầu mối chủ trì công tác bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chung về xử lý vi phạm hành chính và công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện chủ trì nghiên cứu, biên soạn tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên ngành về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, địa bàn do cơ quan, đơn vị quản lý với nội dung và hình thức phù hợp.

Điều 9. Thực hiện tham gia giải quyết, xử lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc trường hợp giải trình, có nhiều tình tiết phức tạp, phạm vi rộng thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện.

1. Trách nhiệm của người được giao giải quyết vụ việc vi phạm hành chính:

a) Người được giao giải quyết vụ việc vi phạm hành chính chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết, xử lý theo thẩm quyền được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Kịp thời theo quy định của pháp luật gửi hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính (gồm: Biên bản vi phạm hành chính, Tờ trình về việc xử phạt vi phạm hành chính, dự thảo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan bằng bản giấy hoặc bản điện tử) đến người có thẩm quyền xử phạt. Đối với các hồ sơ xử phạt thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, của Chủ tịch UBND cấp huyện, xét từng trường hợp cụ thể Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản giao Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND cấp huyện có văn bản giao Phòng Tư pháp phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đánh giá hồ sơ trước khi Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành quyết định xử phạt.

c) Việc trình Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi bởi khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của cá nhân, tổ chức bị xử phạt theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan có liên quan giúp Chủ tịch UBND cùng cấp tổ chức thực hiện việc giải trình (nếu thuộc trường hợp giải trình) theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi bởi khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

b) Trình Chủ tịch UBND cùng cấp ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cơ quan quản lý người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi bởi khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

Hồ sơ bao gồm: Tờ trình đề nghị ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Văn bản kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan tư pháp (nếu có); Biên bản vi phạm hành chính, Dự thảo quyết định xử phạt vi phạm hành chính, các tài liệu có liên quan và phải được đánh bút lục.

Quyết định về xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh được gửi cho Sở Tư pháp 01 bản, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện được gửi cho Phòng Tư pháp 01 bản và phải ghi rõ tại phần nơi nhận của Quyết định để Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp giúp Chủ tịch UBND cùng cấp tiến hành tự kiểm tra và cập nhật vào cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính của tỉnh.

c) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của cá nhân, tổ chức bị xử phạt theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan. Thông báo kết quả thi hành xong quyết định cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương.

d) Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính tại điểm b khoản 1 Điều này khi Chủ tịch UBND cùng cấp giao hoặc các sở, ban, ngành, cơ quan cùng cấp, UBND cấp dưới xin ý kiến về hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc

thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện; báo cáo, đề xuất xử lý đối với các hồ sơ chưa phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 10. Xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính thuộc trường hợp có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều đối tượng

1. Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính được xác định là có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều đối tượng nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính có tổ chức hoặc vi phạm hành chính nhiều lần.

b) Hồ sơ vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

c) Hồ sơ vụ việc phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

d) Hồ sơ vụ việc có hành vi vi phạm hành chính bị áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc bị áp dụng mức phạt tiền từ 15.000.000 (mười năm triệu) đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng trở lên đối với tổ chức.

đ) Hồ sơ vụ việc phải cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định tịch thu hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

e) Hồ sơ vụ việc thuộc trường hợp kéo dài hoặc gia hạn thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

g) Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính liên quan trực tiếp đến quyền con người như: Tạm giữ người theo thủ tục hành chính quy định tại Điều 122 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khám người theo thủ tục hành chính quy định tại Điều 127 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

h) Hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính có khiếu nại, khởi kiện đã được thụ lý giải quyết.

2. Thẩm quyền xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính thuộc trường hợp có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều đối tượng:

a) Thủ trưởng cơ quan của người lập biên bản vi phạm hành chính hoặc thủ trưởng cơ quan của người lập hồ sơ vụ việc xử phạt vi phạm hành chính đối với trường hợp xử phạt không lập biên bản vi phạm hành chính, có trách nhiệm xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều đối tượng ngay sau khi lập biên bản vi phạm hành chính hoặc ngay sau khi lập xong hồ sơ vụ việc xử phạt vi phạm hành chính.

b) Căn cứ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, người tiến hành kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm lập danh mục hồ sơ các vụ việc có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều đối tượng để đề nghị người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này xác nhận để làm cơ sở thanh toán chi hỗ trợ cho đối tượng theo quy định tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 11. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính

1. Cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan về vụ việc theo đề nghị của cơ quan phối hợp.

b) Gửi văn bản về việc công bố công khai và bản sao quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội đến Báo Hưng Yên hoặc Cổng thông tin điện tử tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử cấp Sở trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt để công bố công khai việc xử phạt.

c) Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố công khai; đính chính thông tin sai lệch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát hiện hoặc nhận được yêu cầu đính chính.

2. Thủ trưởng các cơ quan: Báo Hưng Yên, Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Người phụ trách Trang thông tin điện tử các sở, ngành khi nhận được văn bản đề nghị công bố công khai thông tin có trách nhiệm đăng đầy đủ các nội dung thông tin cần

công khai. Nội dung thông tin công bố công khai được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 12. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND cùng cấp ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

a) Kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của UBND tỉnh được gửi đến Bộ Tư pháp để theo dõi, phối hợp và tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.

b) Kế hoạch kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của UBND cấp huyện được ban hành trước ngày 15 tháng 3 hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP và gửi đến Sở Tư pháp trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành để theo dõi, phối hợp và tổ chức thực hiện.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải thường xuyên kiểm tra, thanh tra và kịp thời xử lý đối với vi phạm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP và Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

4. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính khi có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Việc thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 13. Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trong xử lý vi phạm hành chính

1. Khi phát sinh khiếu nại, tố cáo về xử lý vi phạm hành chính, thủ trưởng cơ quan nơi có khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo tại nơi tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân năm 2013.

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã nơi xảy ra vụ việc khiếu nại, tố cáo tham gia hoặc cử người có thẩm quyền tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại, tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại, tố cáo; phối hợp với cơ quan, người được giao chủ trì giải quyết khiếu nại, tố cáo theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

b) Các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại, tố cáo cho cơ quan, người được giao chủ trì giải quyết khiếu nại, tố cáo theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

2. Khi phát sinh khởi kiện trong xử lý vi phạm hành chính, thủ trưởng cơ quan nơi có vụ việc bị khởi kiện có trách nhiệm tham gia giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc cho người có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc bị khởi kiện cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được giao giải quyết vụ việc và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu đó.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao phối hợp giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trong xử lý vi phạm hành chính được nghiên cứu hồ sơ, tài liệu về vụ việc và tham gia ý kiến với cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao chủ trì giải quyết vụ việc theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

Điều 14. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính định kỳ hàng năm

a) UBND cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn quản lý của mình gửi về Phòng Tư pháp để tổng hợp.

b) Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện báo cáo về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, địa phương mình gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp.

c) Sở Tư pháp giúp UBND tỉnh tổng hợp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh để báo cáo Bộ Tư pháp.

d) Nội dung và thời gian chốt số liệu báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về chế độ báo cáo trong công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Điều 15. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh có khả năng kết nối tới cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

b) Tham mưu, giúp UBND tỉnh trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do đơn vị mình thực hiện vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Cán bộ, công chức thuộc Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp; người tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra được phân công thực hiện kiểm tra, đánh giá các văn

bản, tài liệu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều đối tượng quy định tại Điều 10 Quy chế này được hỗ trợ theo mức chi quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC.

Kinh phí chi hỗ trợ được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

Hàng năm, căn cứ vào số lượng hồ sơ mà Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và kết quả tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra của năm trước, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp xây dựng dự toán ngân sách chi hỗ trợ theo hồ sơ vụ việc cho năm sau, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và Quy chế này.

2. Theo dõi, đôn đốc đánh giá về công tác phối hợp; là cơ quan đầu mối tiếp nhận việc thống kê theo quy định để đánh giá tình hình, dự báo xu hướng vi phạm pháp luật hành chính, đề xuất giải pháp khắc phục, hoàn thiện chính sách, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 18. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, phạm vi, địa bàn quản lý theo quy định pháp luật.

2. Đề nghị các cơ quan có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết, phục vụ cho công tác phối hợp triển khai thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị theo trách nhiệm được phân công tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong cơ quan, đơn vị và địa bàn mình quản lý.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.